

**ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC**

Số: 4434 /MTTW-BTT

V/v phản biện xã hội đối với Dự thảo Quy hoạch
tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**
Đồng kính gửi: - **Chính phủ;**
- **Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Căn cứ Công văn số 4595/BKHĐT-CLPT, ngày 07/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Ngày 10/8/2022, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tham dự và chủ trì Hội nghị có đồng chí Đỗ Văn Chiến, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, đồng chí Lê Tiến Châu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Về phía cơ quan chủ trì soạn thảo có đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; thành phần tham dự có đại diện lãnh đạo một số tổ chức thành viên của Mặt trận, Ban Chủ nhiệm 05 Hội đồng tư vấn (Kinh tế, Văn hóa - Xã hội, Dân chủ - Pháp luật, Dân tộc, Khoa học - Giáo dục và Môi trường) của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; đại diện Văn phòng Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương, một số chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn; đại diện Ban soạn thảo dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tại Hội nghị sau khi nghe cơ quan soạn thảo báo cáo những nội dung trọng tâm trong dự thảo, các đại biểu tham dự Hội nghị đã thảo luận và tham gia ý kiến đối với các vấn đề cụ thể trong dự thảo. Kết quả như sau:

I. NHẬN XÉT CHUNG

1. Về sự cần thiết của Quy hoạch

Quy hoạch tổng thể quốc gia có vai trò vừa cụ thể hóa Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm 2021-2030 của Đảng, góp phần thực hiện Nghị

quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội Khóa XV về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021 - 2025; vừa là “*cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước*”¹.

Do vậy, việc khẩn trương xây dựng Quy hoạch tổng thể quốc gia một cách đồng bộ; mang tính chiến lược cao theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ; bảo đảm các nguyên tắc, quy trình lập quy hoạch là hết sức cần thiết, làm cơ sở cho việc điều hành phát triển KT-XH; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực của quốc gia để phát triển đất nước nhanh và bền vững là một nhiệm vụ cần thiết và cấp bách.

2. Về sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Về cơ bản, dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là dự thảo Quy hoạch) đã bám khá sát chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Luật quy hoạch và các văn bản hướng dẫn.

Tuy nhiên, thời gian qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn kiện với các chủ trương, chính sách mới về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam; địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; nông nghiệp, nông dân, nông thôn; an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; quản lý và sử dụng đất...²; Quốc hội cũng ban hành một số văn bản mới³. Vì vậy, đề nghị Ban Soạn thảo (BST) nghiên cứu rà soát các văn bản nêu trên nhằm bổ sung, hoàn thiện dự thảo Quy hoạch.

3. Về tính đúng đắn, hiệu quả, khả thi

Dự thảo Quy hoạch được xây dựng một cách công phu, có kết cấu phù hợp, thể hiện được tính khoa học, tính khả thi, đề cập đến các vấn đề cốt lõi của công tác quy hoạch, đã phân tích, đánh giá khá đầy đủ điều kiện tự nhiên, yếu tố phát triển và hiện trạng phát triển của nước ta, từ đó đã đưa ra quan điểm, mục tiêu,

¹ Khoản 1 Điều 6 Luật Quy hoạch năm 2017.

² Như: Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022, của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

³ Như: Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội Khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội Khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội Khóa XV về Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030...

kịch bản phát triển; định hướng, tổ chức không gian phát triển các ngành lĩnh vực và định hướng tổ chức không gian theo vùng, lãnh thổ gắn với các giải pháp, nguồn lực thực hiện và các dự án quan trọng quốc gia.

Để hoàn thiện hơn dự thảo Quy hoạch nhằm tăng tính khả thi, hiệu quả, đề nghị Ban soạn thảo quan tâm một số nội dung sau:

- Nghiên cứu xác định rõ triết lý quy hoạch, quan niệm nền tảng, cốt lõi và xuyên suốt để làm kim chỉ nam trong toàn bộ quy hoạch⁴.

- Sự kết nối, tác động qua lại giữa một số ngành, lĩnh vực như: Văn hóa với du lịch; phát triển đô thị với bảo vệ môi trường đô thị; phát triển các ngành, lĩnh vực với nhu cầu sử dụng quỹ đất; cơ cấu đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư trong các ngành, lĩnh vực...

- Nghiên cứu đặt ra nhiều phương án phân vùng với quy mô diện tích vùng nhỏ hơn như các tiểu vùng để xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển cụ thể hơn, sát với thực trạng và tính khả thi cao hơn.

4. Tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Quy hoạch tổng thể quốc gia là cấp quy hoạch cao nhất ở nước ta, vừa là công cụ quản lý, vừa là cơ sở để lập các quy hoạch cấp dưới⁵. Vì vậy, khi đi vào cuộc sống, Quy hoạch sẽ có những tác động tích cực, to lớn, toàn diện góp phần giữ vững, ổn định chính trị; thúc đẩy kinh tế phát triển; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế và thực hiện thắng lợi, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 tại Đại hội XIII của Đảng.

Ngoài những tác động tích cực, đề nghị Ban soạn thảo quan tâm đến một số tác động sau của dự thảo Quy hoạch:

- Tác động đến cơ cấu dân số ở các vùng dân tộc thiểu số tự định hướng phân vùng và liên kết vùng, quá trình đô thị hóa. Thực tế hiện nay cho thấy do dịch chuyển dân cư giữa các vùng nên tỉ lệ người dân tộc thiểu số ở một số vùng đang có chiều hướng giảm, dẫn đến nhiều vùng không đảm bảo điều kiện để hưởng các chính sách hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số ảnh hưởng đến tâm tư của đồng bào dân tộc thiểu số...

⁴ Liên Xô: khu vực có 1 triệu dân trở lên thì quy hoạch phải có tàu điện ngầm; Tại Tp. Leningrat (Nga), quy hoạch chiều rộng cầu phải tối thiểu 120m...; triết lý đúc kết từ thực tiễn mang tính quy luật về phát triển KT-XH của toàn cầu "Where is the Economy Going? Follow that Truck!" (Tạm dịch: Để xem nền kinh tế đang đi về đâu? Xin hãy cứ đi theo chiếc xe tải!). Điều đó nói lên tầm quan trọng của vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ.

⁵ Là công cụ quản lý của nhà nước trong việc điều hành phát triển kinh tế xã hội, nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực của quốc gia để phát triển đất nước nhanh và bền vững; cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

- Tác động đến công tác bảo vệ và phát triển rừng từ chủ trương phát triển năng lượng tái tạo như thủy điện, điện gió trên bờ có khả năng tác động đến diện tích rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn; suy giảm đa dạng sinh học, môi trường sinh thái; thay đổi dòng chảy tự nhiên, mất an toàn về người và tài sản vùng thượng và hạ lưu công trình...

- Tác động đến công tác bảo vệ môi trường từ quá trình phát triển công nghiệp, giao thông - vận tải, đô thị hóa, khai thác tài nguyên làm gia tăng chất thải. Thực tế hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường không khí trong thời gian qua tại một số địa phương có xu hướng gia tăng, chủ yếu tập trung vào ô nhiễm bụi, đặc biệt là bụi mịn PM2.5 tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh nói riêng và các đô thị khác trong toàn quốc.

- Tác động đến khí hậu và cam kết của Việt Nam với quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Tại dự thảo ĐMC đưa ra dự báo Việt Nam sẽ phát thải 1,5 tỷ tấn carbon tương đương vào năm 2050, tốc độ tăng phát thải là 1,9%/năm (trang 375), với dự báo này thì Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa mới có thể thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại Hội nghị COP26.

5. Về một số nội dung khác

Về cơ bản, dự thảo Quy hoạch đã bảo đảm tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng trong không gian lãnh thổ Việt Nam; có kết cấu phù hợp, bám sát khung kết cấu được quy định trong Luật Quy hoạch, các văn bản hướng dẫn và Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ; đã cung cấp nhiều số liệu cụ thể về định hướng và phân bố không gian của một số ngành, lĩnh vực; đã gắn các nội dung của quy hoạch với phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế, phân tích lợi thế so sánh, cơ hội, khó khăn và thách thức; đã đề ra các mục tiêu phát triển cụ thể và kịch bản phát triển...

Tuy nhiên, một số quan điểm chưa được chú ý thỏa đáng như: Quan điểm phát triển kinh tế tự chủ, phát huy nội lực của nền kinh tế; chưa cụ thể hóa quan điểm bảo đảm bình đẳng xã hội giữa thành thị và nông thôn, miền núi và đồng bằng, từng bước khắc phục tương đối độ chênh lệch giàu nghèo đã nêu trong kịch bản phát triển (trang 335-339). Một số nội dung, lĩnh vực quy hoạch được đề cập quá sâu, có thể gây "cứng nhắc" trong việc lập và điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành, có lĩnh vực thì lại đề cập chưa đầy đủ để làm cơ sở vững chắc cho các quy hoạch cấp dưới.

Xem xét bổ sung nội dung về chuyển đổi số và xác định chuyển đổi số là công cụ hữu hiệu trong công cuộc phát triển xã hội; các công nghệ trong quá trình chuyển đổi số cần được ứng dụng và gắn chặt với phân bổ nguồn lực và không gian nhằm giúp việc quản lý có hiệu quả và tránh lãng phí⁶. Trong bối cảnh 4.0,

⁶ Chuyển đổi số cho phép tạo ra không gian ảo, thử nghiệm mô hình quy hoạch không gian, kịch bản phát triển với số lần thử nghiệm vô hạn trước khi áp dụng cho không gian thực nên giúp tiết kiệm cả không gian và nguồn lực. Khi triển khai thực hiện quy hoạch không gian thật, cần bao gồm cả tư duy tận dụng không gian ảo, quy hoạch theo

cần quan tâm đến một số khía cạnh số như: (1) Kết nối trong không gian ảo, liên thông dữ liệu; (2) Kết nối không gian ảo với không gian thật, đây là yếu tố quan trọng; (3) Vai trò của kết nối số trong kết nối xã hội và kết nối con người trong không gian thật (kết nối giữa các tỉnh, thành, quy hoạch vùng, ...). Tăng cường ứng dụng công cụ số trong thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu.

Kinh nghiệm từ các nước phát triển như Mỹ, Canada, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc trong xây dựng quy hoạch cho thấy hiệu quả của việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và quản lý phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, địa phương. Đối với nước ta, do hệ thống cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, thiếu liên kết, chia sẻ, chưa đồng bộ giữa bộ ngành và địa phương. Do đó, nhiệm vụ xây dựng và phát triển một nền tảng dữ liệu GIS quốc gia dùng chung là cần thiết.

II. NHỮNG GÓP Ý CỤ THỂ

1. Về điều kiện tự nhiên và các yếu tố phát triển

1.1. Điều kiện tự nhiên

Dự thảo Báo cáo đã phân tích khá rõ và cụ thể về điều kiện tự nhiên của nước ta. Tuy nhiên, về vị trí địa lý, địa chính trị, địa kinh tế, đề nghị xem xét phân tích thêm về cấu trúc hình dáng tự nhiên của đất nước như *tỷ lệ chiều dài đường biên giới (bao gồm cả biên giới biển) và diện tích đất liền của Việt Nam* với mối tương quan về vấn đề bảo vệ lãnh thổ quốc gia, đến “tính mở” và “độ mở” của nền kinh tế, đến chiến lược đối ngoại của nước ta; phân tích cụ thể hơn về *vị thế địa - chiến lược của Việt Nam trong quan hệ tương quan trong khu vực, chỉ rõ* quy mô, thực lực, xu thế, triển vọng, chế độ chính trị - kinh tế - xã hội, quan hệ láng giềng,... với các nước.

1.2. Các yếu tố phát triển

Về vấn đề dân số dự thảo Quy hoạch cho rằng nước ta đang ở cơ cấu “*dân số vàng*”⁷. Tuy nhiên, thực tế nước ta ở thời kỳ 10 năm cuối của cơ cấu “*dân số vàng*”. Khi đó, tới giữa thập kỷ 2030 tỷ lệ người phụ thuộc trong dân số sẽ tương đương với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động... Trong khi đó, tốc độ già hóa dân số của nước ta lại đang diễn ra nhanh. Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo (BST) phân tích thêm về vấn đề này đồng thời đề xuất phương hướng giải quyết bài toán dân số già nêu trên.

Dự thảo Quy hoạch cho biết, Việt Nam thuộc nước có tuổi thọ trung bình cao trong các nước Đông Nam Á, chăm sóc sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao; chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục tăng trong thời gian qua. Tuy nhiên, cần quan tâm đến thực trạng chỉ số giáo dục biến động

hướng mới, cho phép con người tiết kiệm không gian thật, từ đó tiết kiệm mặt bằng và các chi phí trong mọi ngành, mọi mặt của đời sống xã hội.

7 Số người phụ thuộc bằng 50% số người trong tuổi lao động.

ảnh hưởng đến chỉ số HDI⁸ nhằm nâng cao chỉ số HDI như một minh chứng định lượng về sự phát triển của con người, do con người và vì con người. Một vấn đề cần lưu tâm là thực trạng tỷ lệ lao động việc làm thấp, thu nhập chưa cao.

Dự thảo Quy hoạch chỉ ra thực trạng nguồn nhân lực khá cụ thể. Tuy nhiên, cần kết nối nội dung này với việc phân tích thay đổi cơ cấu kinh tế - ngành vùng để làm rõ một “*ngịch lý phát triển*” vùng⁹.

Dự thảo Báo cáo ít đề cập đến tình trạng thiếu nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp số và nguy cơ sụt giảm việc làm trong lĩnh vực công nghiệp ứng dụng công nghệ cao do sự phổ biến của máy móc trong các nhà máy đang dần thay thế cho sức người. Vấn đề khoảng cách giàu nghèo ngày càng nổi rõ, dân số nghèo về thu nhập và nghèo đa chiều tăng mạnh, kể cả ở các thành phố lớn. Dự thảo Báo cáo quan tâm đến giải quyết bài toán điều hòa thu nhập trong dân cư trong định hướng phát triển. Nội dung về tài nguyên nhân văn còn khiêm tốn chưa tương xứng với sự quan tâm mà Đảng và Nhà nước ta dành cho lĩnh vực này.

2. Về hiện trạng và định hướng phát triển quốc gia

2.1. Phát triển kinh tế - xã hội và các ngành, lĩnh vực

Nội dung phân bố không gian phát triển kinh tế cần được phân tích sâu và kỹ hơn - nhưng khái quát cao hơn - về xu thế dịch chuyển cấu trúc kinh tế Vùng, đặc biệt là thực trạng “tụt hậu phát triển tương đối” của Vùng Đông Nam Bộ¹⁰.

Dự thảo Báo cáo về phát triển và phân bố không gian phát triển các ngành dịch vụ cho thấy có sự phát triển chưa đồng đều giữa các vùng như về số lượng trung tâm hội chợ, triển lãm¹¹. Cần bổ sung đánh giá chất lượng Trung tâm Hội chợ Triển lãm ở các Vùng (về quy mô, trình độ phát triển). *Trong phương hướng phân bố không gian phát triển du lịch theo vùng, đề nghị bổ sung Tây Ninh - Vùng Đông Nam Bộ là tỉnh có tiềm năng phát triển du lịch về nguồn*¹².

2.2. Sử dụng không gian biển

Về hiện trạng, dự thảo Báo cáo cần bổ sung, làm rõ các tác động tiêu cực từ các hoạt động “*cải tạo không gian biển*”; làm rõ thêm việc quy hoạch kiểm soát không gian ven bờ trong tổ chức không gian biển, xác định các vùng cần bảo tồn, cấm xây dựng, lấn biển... Thực tiễn cho thấy các tỉnh đang rất lúng túng trong

⁸ Chỉ số HDI là sự tổng hợp của các chỉ số về: 1) thu nhập, 2) chỉ số giáo dục và 3) chỉ số chăm sóc sức khỏe.

⁹ Như Vùng Đông Nam Bộ là Vùng tạo nhiều việc làm nhất, có sức hấp dẫn lao động cao nhất nhưng lại có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất.

¹⁰ Là vùng đóng góp 45% GDP và 55% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu và ngân sách cả nước. Nhưng theo Báo cáo (tr.108), tốc độ tăng trưởng công nghiệp 10 năm qua của Vùng quá thấp, chưa bằng ½ Vùng ĐBSH, chỉ bằng 2/3 bình quân cả nước.

¹¹ Vùng ĐBSH có 8 Trung tâm, Vùng ĐBSCL có 6 Trung tâm, trong khi đó Vùng Đông Nam bộ chỉ có 3 Trung tâm, ít hơn cả Vùng Trung du - Miền núi phía Bắc - nơi có trình độ phát triển thấp hơn, mức độ tập trung và quy mô kinh tế nhỏ hơn nhiều.

¹² Với di tích quốc gia đặc biệt - Căn cứ Trung ương Cục miền Nam.

việc xác định ranh giới trên biển giữa các địa phương ven biển. Vì vậy, Quy hoạch cần vạch ra các ranh giới (dù là tạm thời) để tạo căn cứ pháp lý cho các tỉnh.

Đối với định hướng phát triển không gian biển, dự thảo Quy hoạch chỉ nên nêu định hướng, ưu tiên phát triển của các vùng biển có đặc thù sinh thái, tài nguyên và hiện trạng/tiềm năng sử dụng tài nguyên khác nhau. Nội dung quy hoạch như hiện nay vừa thừa (đi vào quá chi tiết một số định hướng) và vừa thiếu (bỏ trống nhiều vùng biển và một số lĩnh vực hoạt động kinh tế biển xanh). Quy hoạch cụ thể cần được phân cấp cho quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch cấp tỉnh.

Về quan điểm, đề nghị bổ sung và chỉnh sửa một số quan điểm sau:

- Khai thác, sử dụng biển phục vụ đa ngành, đa mục tiêu.
 - Quan điểm hài hòa giữa phát triển và bảo tồn cần gắn với mục tiêu 6% vùng biển được bảo tồn như đã xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hơn nữa, bảo tồn thiên nhiên có khái niệm rộng lớn hơn nhiều và không chỉ bao gồm các khu bảo tồn biển và cấm khai thác như tại dự thảo Quy hoạch.
 - Quan điểm nuôi trồng hải sản liên kết với các ngành như du lịch, năng lượng tái tạo, dầu khí.
 - Quy hoạch vùng kinh tế biển, đảo phải được quan tâm đặc biệt gắn với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy”.
- Đề nghị BST quan tâm phân tích và có định hướng bảo tồn và phát triển đặc trưng hệ sinh thái của các vùng biển như hệ sinh thái ven bờ Việt Nam và quần đảo Trường Sa với các sinh cư có vai trò hết sức quan trọng trong duy trì nguồn lợi thủy sản và cung cấp dịch vụ hệ sinh thái cho du lịch biển.

2.3. Sử dụng đất quốc gia

Trong thời gian qua, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo định hướng tiếp cận tổng hợp, liên ngành và trở thành công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý, phân bổ và sử dụng đất đai. Nguồn lực đất đai được khai thác, sử dụng ngày càng hiệu quả hơn cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, tạo sự bình đẳng hơn cho các chủ thể sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng đất còn nhiều hạn chế, bất cập; hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có sử dụng đất chưa bảo đảm tính tổng thể, thống nhất đồng bộ.

Thực trạng sử dụng đất quốc gia còn bất cập, việc khai thác, sử dụng đất cho khu công nghiệp có sự chênh lệch giữa quy hoạch không gian phát triển và tổ chức thực hiện, dẫn đến lãng phí lớn về nguồn lực; bố trí, sử dụng đất cho văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao còn thấp, cho thấy các lĩnh vực này chưa nhận

được sự quan tâm thích đáng. Dự thảo báo cáo cần bổ sung đánh giá về hiệu quả sử dụng đất để có cơ sở điều chỉnh hợp lý, tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích.

Đề nghị BST nghiên cứu bổ sung quan điểm, đường lối của Đảng về đất đai tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16-6-2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá XIII *“Về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao”* vào dự thảo Quy hoạch

Nguyên tắc định hướng quy hoạch sử dụng đất quốc gia cần quan tâm đến việc tuân thủ nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu; sử dụng đất tiết kiệm, bảo vệ đất đai và bảo vệ thiên nhiên, môi trường; tổ chức phân bổ đất cho các ngành phù hợp với kế hoạch tổng thể; khi quy hoạch sử dụng đất cần tạo ra những điều kiện tổ chức lãnh thổ hợp lý để thực hiện những nhiệm vụ kế hoạch của Nhà nước, của từng ngành; phải phù hợp với các điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội của từng vùng lãnh thổ; bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; bảo đảm ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng, an ninh lương thực và bảo vệ môi trường; thực hiện dân chủ, công khai minh bạch trong quy hoạch sử dụng đất trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đất ở của người dân.

Nội dung quy hoạch sử dụng đất phải kết hợp giữa chỉ tiêu các loại đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất, hệ sinh thái tự nhiên, thể hiện được thông tin đến từng thửa đất nhằm khắc phục tình trạng “quy hoạch đất treo”.

2.4. Khai thác và sử dụng vùng trời

Việc định hướng khai thác và sử dụng vùng trời cần được mở rộng, hướng tới vấn đề quy hoạch sử dụng không gian cho hoạt động nghiên cứu, thám hiểm và dịch vụ vũ trụ.

2.5. Phân vùng và liên kết vùng

Dự thảo Quy hoạch đã thừa kế các phương án phân vùng trước đây, mang tính ổn định cao và ít gây xáo trộn về vùng. Bên cạnh đó, có thể đặt ra thêm các phương án phân vùng với quy mô diện tích vùng nhỏ hơn để xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển cụ thể hơn, sát với thực trạng và tính khả thi cao hơn. Đồng thời với việc phân vùng và quy hoạch vùng cần xây dựng các cơ chế quản lý vùng thích hợp.

Về quan hệ giữa chính sách phát triển vùng với chính sách dân tộc, đề nghị BST quan tâm, cân nhắc một số nội dung sau để chỉnh sửa, bổ sung định hướng phân vùng và liên kết vùng phù hợp:

- *Tác động của quy luật phát triển không đồng đều về các vùng và liên kết vùng do lịch sử.* Nhận thức rõ sự tác động của quy luật này nhằm mục đích khi

tiến hành phân vùng phát triển kinh tế, xã hội phải lưu ý đến sự sinh động của thực tiễn khác nhau ở từng vùng dân tộc, từng vùng sinh thái nhân văn, hoặc phải kết hợp cả hai đối với các dân tộc.

- *Sự cộng cư đan xen giữa các dân tộc ở các vùng.* Đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của kinh tế, xã hội, văn hóa dân tộc. Quy luật này cũng có tác động đến cơ cấu dân số ở các vùng dân tộc thiểu số, dẫn đến tỉ lệ của người Kinh ở các vùng dân tộc này đang tăng nhanh. Sự xuống cấp nhiều mặt về văn hóa là một chỉ báo. Do đó việc định hướng phân vùng và liên kết vùng là công việc phức tạp văn hóa phải làm sao để tránh sự mai một của văn hóa các dân tộc trong quá trình phát triển.

Đề nghị BST trong xây dựng các định hướng phân vùng và liên kết vùng cần quan tâm đến tầm chiến lược về quốc phòng, an ninh của Tây Nguyên và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng trọng điểm lúa số một của cả nước. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long cần tập trung hơn đến bảo vệ sự đa dạng sinh thái, bảo vệ sự đa dạng tộc người; vùng Tây Nguyên quan tâm đến không gian sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

Phân phân tích về hệ thống đô thị trong dự thảo Báo cáo đã đưa ra nhiều số liệu cụ thể, đã đề cập tới vấn đề đô thị hóa, sự thay đổi quy mô các đô thị và phân bố các vùng đô thị lớn và mối liên kết giữa các vùng đô thị lớn trong toàn quốc. Về cơ bản, việc phân bố, kết cấu và các mối liên kết như hiện nay là hợp lý, đủ không gian cho phát triển trong tương lai.

Tuy nhiên, dự thảo Báo cáo còn một số nhược điểm như:

- Số liệu dàn trải, cào bằng, thiếu trọng tâm, trọng điểm nên các phân tích chưa tiếp cận sâu, chưa nêu rõ được bản chất.

- Bối cảnh, nguyên nhân, động lực thúc đẩy việc đô thị hóa cũng như tiến trình đô thị hóa và mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và phát triển đô thị chưa thực sự đầy đủ.

- Chưa có phân tích về bài học, kinh nghiệm tổng kết từ thực trạng của quá trình đô thị hóa hiện nay.

- Các định hướng phát triển cho tương lai chưa chặt chẽ; cần cung cấp thêm các luận chứng khoa học và quy luật biện chứng.

Theo tính chất và xu thế phát triển đô thị, BST có thể tham khảo phân chia đô thị thành 5 loại như sau:

1) Đô thị lõi: Là lõi, hạt nhân của những thành phố lớn, như: 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội, Hồ Chí Minh là đô thị lõi; lõi của các đô thị trung tâm hành chính tỉnh (các tỉnh lỵ); các huyện lỵ.

2) Đô thị mở rộng: Là phần mở rộng của các đô thị lõi, đô thị vệ tinh, như: Đô thị Thủ Thiêm là đô thị mở rộng của đô thị lõi thành phố Hồ Chí Minh.

3) Đô thị vệ tinh: Là vệ tinh của những đô thị lớn và có tính độc lập tương đối, như: Phú Mỹ Hưng là đô thị vệ tinh của đô thị trung tâm (khu vực quận 1) thành phố Hồ Chí Minh.

4) Đô thị trung tâm: Là các huyện lỵ.

5) Đô thị mới bám theo các trục lộ.

Định hướng phát triển đô thị theo xu hướng phát triển xanh, phát triển bền vững đang là xu thế hiện nay với những yêu cầu: Xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực; Tạo hệ sinh thái xung quanh cho sự phát triển; Gắn kết một cách hữu cơ giữa đô thị với hệ sinh thái xung quanh; Quy hoạch đô thị theo hướng kết hợp công nghệ, đô thị thông minh, sạch, xanh và bền vững; Nền duy trì ở quy mô vừa và nhỏ; Gắn với bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa đặc trưng của vùng miền; Sử dụng vật liệu nhẹ, tái chế, thân thiện môi trường; Phát triển thương mại, dịch vụ kết hợp du lịch; Gia tăng tính độc lập cho đô thị

Ngoài ra, phát triển đô thị cũng cần quan tâm đến duy trì và phát triển hệ thống giao thông đô thị cho xe hai bánh phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển phương tiện vận tải công cộng, nhu cầu sử dụng phương tiện xe hai bánh của người dân. Lưu ý tới sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu¹³ tới các khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng trên vùng đất thấp (<2m).

Về phát triển nông thôn chưa được quan tâm đúng mức, còn thiếu liên kết với quy hoạch phát triển công nghiệp, phát triển đô thị. Tình trạng quy hoạch và đầu tư cho khu vực nông thôn rất chậm chạp, ỉ ạch, bị điều chỉnh nhiều, ít được công khai.

2.7. Phát triển ngành hạ tầng xã hội

- Giáo dục đại học còn tồn tại một số bất cập như cơ chế liên thông, nâng cấp các trường trung cấp, cao đẳng lên đại học chưa rõ. Công tác quản lý đào tạo sau đại học chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng chủ yếu chạy theo chỉ tiêu số lượng mà thiếu kiểm soát chất lượng. Chưa chú trọng đến nội dung chương trình đào tạo và phương thức đào tạo. Tự chủ của các cơ sở giáo dục- đào tạo đại học chưa đạt mục tiêu vì thiếu cơ chế, chính sách, điều kiện.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm thích đáng, chưa thực sự gắn chặt với thị trường lao động; công tác quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn chồng chéo.

- Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng chưa được quan tâm đầu tư, kinh phí dành

¹³ Làm gia tăng các hiện tượng cực đoan, hiện tượng sạt lở, sạt lở bờ sông, bờ biển; nước biển dâng...

cho chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội rất khiêm tốn, chất lượng các cơ sở trợ giúp xã hội chưa được nâng cao.

- Mạng lưới cơ sở y tế còn chưa được đầu tư kịp thời, thiếu đồng bộ, gây lãng phí rất lớn nguồn lực, có tình trạng một số cơ sở y tế được đầu tư xây dựng nhưng chậm đưa vào khai thác, sử dụng. Mạng lưới “bác sỹ gia đình” và nâng cao chất lượng y tế dự phòng, tuyến y tế xã phường chưa đạt yêu cầu xã hội; Chất lượng y tế dự phòng, y tế xã phường chưa cao, bị động trong các tình huống y tế và không đủ khả năng thực hiện dịch vụ y tế (nhất là lúng túng với các đợt dịch bệnh, đại dịch ngay từ cơ sở). Vệ sinh an toàn thực phẩm còn bị coi nhẹ, việc xử lý chưa nghiêm minh, thiếu tính răn đe.

Đề nghị bổ sung nội dung “phát triển nền tảng giáo dục số quốc gia” vào phát triển ngành hạ tầng xã hội. Hiện nay, nhu cầu về một nền tảng giáo dục số hợp nhất đang rất cấp thiết, đóng vai trò đòn bẩy quan trọng cho chuyển đổi số quốc gia. Nền tảng giáo dục số quốc gia hợp nhất sẽ hỗ trợ các Sở, ban, ngành, trường học và tổ chức giáo dục chuẩn hóa quy trình quản lý, tập trung thông tin dữ liệu phục vụ chuyên môn; hình thành và thống nhất được các tiêu chuẩn giáo dục cấp quốc gia; tạo ra trải nghiệm tốt cho giáo viên, học sinh, sinh viên và gia đình; cung cấp thông tin chính xác cho các doanh nghiệp sử dụng lao động.

2.8. Ngành hạ tầng kỹ thuật

Các ngành hạ tầng kỹ thuật có vai trò quan trọng trong phát triển đất nước, giúp cho việc kết nối các không gian phát triển với nhau, kết nối giữa các vùng, các đô thị với nhau, tạo động lực cho sự phát triển về kinh tế thông qua việc phát huy lợi thế của từng vùng, từng đô thị. Hạ tầng kỹ thuật cũng góp phần tạo động lực nội tại cho các vùng, các đô thị, tạo ra điều kiện sinh hoạt, sản xuất thuận lợi cho con người từ đó góp phần cho sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, trong dự thảo Quy hoạch, dung lượng của mục này còn khiêm tốn so với tầm quan trọng và tiềm năng phát triển.

Về cấu trúc, có ý kiến đề nghị nghiên cứu ghép mục Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn và quan trắc môi trường vào mục bảo vệ môi trường và mục hệ thống hạ tầng phòng cháy, chữa cháy có thể ghép với mục hệ thống công trình phòng, chống thiên tai và hệ thống thủy lợi thành “Hệ thống tổng thể hạ tầng phòng chống rủi ro thiên tai và cứu hộ cứu nạn quốc gia” mới đúng tầm, đáp ứng các vấn đề phát triển hiện đại.

2.8.1. Đối với mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải

Nội dung về hiện trạng phát triển, phân bố không gian mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải cần được phân tích rõ hơn về vai trò và tầm quan trọng của kết cấu mạng lưới giao thông Quốc gia trong mối liên kết vùng, khu vực và thế giới... để kết nối các vùng, các trung tâm động lực, các cửa ngõ giao lưu, các khu kinh tế, logistic... làm cơ sở hoạch định định hướng phát triển. Đồng thời làm rõ

việc điều chỉnh các quy hoạch của ngành giao thông đã được phê duyệt sau khi Quy hoạch tổng thể quốc gia được phê duyệt về phạm vi, mức độ...

Mạng lưới giao thông, vận tải chủ còn bộc lộ nhiều vấn đề như: tập trung phát triển vào đường bộ và hàng không, phát triển “nóng” BOT, nhưng việc đầu tư phát triển giao thông thủy nội địa, đường sắt cao tốc, đường sắt đô thị, là lĩnh vực có lợi thế, có nhu cầu cao lại ít được quan tâm quy hoạch; công tác quản lý đường thủy nội địa ở các địa phương thiếu sự quan tâm, kém hiệu quả.

- Về định hướng mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, tại quan điểm phát triển thứ 3, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: (3) Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông cần phải được quy hoạch *theo chức năng*, bảo đảm *đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH*; quy mô kinh tế, nhu cầu phát triển vùng, miền và hiệu quả khi đầu tư. Đồng thời, cần xem xét đến các yếu tố khác để hướng tới sự cân đối hài hòa liên quan đến các yếu tố địa lý, dân cư và lịch sử, văn hóa. Đối với các hành lang vận tải chính, *kết cấu hạ tầng các phương thức vận tải phải là “xương sống” cho các hoạt động vận tải. Đồng thời, phải bảo đảm sự kết nối, hài hòa về vai trò, chức năng, lợi thế của từng phương thức. Tái cơ cấu thị trường vận tải nội địa theo hướng giảm dần thị phần vận tải đường bộ, tăng dần thị phần vận tải đường sắt và đường thủy nội địa, đặc biệt là trên các hành lang vận tải chính và vùng kinh tế.*

- Về mục tiêu phát triển, còn thiên lệch về hạ tầng giao thông đường bộ, chưa chú trọng các hạ tầng giao thông khác nhằm tạo ra không gian quy hoạch tổng hợp, tổng quát mạng lưới giao thông quốc gia. Nên chăng dự thảo đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và 2050 gắn với tốc độ phát triển các phương thức vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không để đảm bảo các phương thức vận tải này được phát triển đồng bộ và hài hòa với mạng lưới đường bộ.

- Về phương hướng phát triển và phân bố không gian, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy hoạch cho không gian ngầm, hệ thống giao thông.

- Đối với mạng lưới đường bộ, đề nghị quan tâm hơn đến phát triển đường ven biển và đường biên giới để vừa phát triển kinh tế vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đề nghị quan tâm thêm đến một số phương hướng phát triển đường bộ sau:

+ Tập trung phát triển và xây dựng các tuyến đường bộ hành lang vận tải kết nối Thủ đô và các thành phố lớn với các vùng kinh tế trọng điểm, các cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường biển và đường hàng không.

+ Tiếp tục phát triển và hoàn thiện các tuyến đường gom và đường địa phương để phục vụ vận tải cự ly vừa và cự ly ngắn, phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

- Đối với đường sắt, mạng lưới đường sắt Việt Nam đang tụt hậu so với khu vực và thế giới trong khi năng lực vận tải của đường sắt của thế giới luôn chứng minh tính ưu việt của nó ở mọi hoàn cảnh. Hệ thống đường sắt phải được phát triển kết nối thuận tiện, chia sẻ chức năng giữa 06 vùng KT-XH Quốc gia, các

vùng đô thị lớn, cửa khẩu, cảng biển, sân bay, kết nối với khu vực ASEAN và quốc tế.

Là Quy hoạch tổng thể quốc gia, do đó dự thảo Quy hoạch chỉ nên vạch ra phương hướng phát triển và sơ đồ phân bố không gian mạng lưới đường sắt, không nên đi vào từng tuyến đường sắt cụ thể. Đề nghị quan tâm thêm đến một số phương hướng phát triển và phân bố không gian phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đường sắt sau:

+ Hoàn thành việc phân loại và quy hoạch mạng lưới đường sắt theo chức năng trên phạm vi cả nước và tại các địa phương có đường sắt đi qua.

+ Tập trung phát triển và xây dựng các tuyến đường sắt kết nối Thủ đô và các thành phố lớn với các vùng kinh tế trọng điểm, các cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường biển và đường hàng không.

+ Tiếp tục phát triển và hoàn thiện các tuyến đường sắt trung chuyển và đường sắt địa phương để phục vụ vận tải cự ly vừa và cự ly ngắn, phục vụ sản xuất và đi lại của người dân.

- *Đối với hàng không*, đề nghị chú trọng hơn đến phát triển hoạt động hàng không lưỡng dụng dân dụng và quân sự để vừa phục vụ phát triển kinh tế vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; ưu tiên đầu tư xây dựng nền công nghiệp hàng không phụ trợ, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật hàng không chủ động phát triển lâu dài và bền vững, là động lực phát triển công nghiệp phụ trợ cho các lĩnh vực khác; nghiên cứu bổ sung quy hoạch hệ thống Cảng hàng không và Sân bay trên mặt nước, xây dựng và phát triển thủy phi cơ, máy bay không người lái, vận tải đường dây trên không; cần bổ sung tiêu chí quy hoạch cảng hàng không tránh lãng phí đầu tư.

- *Đối với đường thủy nội địa*, cần được quan tâm phát triển, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Bắc Bộ, theo đó cần ưu tiên quy hoạch xây dựng cảng sông và khơi thông các tuyến đường thủy nội địa trên các sông lớn; cũng như liên kết thành các tuyến giao thông sông - biển.

- *Đối với đường biển*, cần quan tâm các cảng nước sâu đã được quy hoạch, cảng hàng hoá lớn như đã đề cập trong quy hoạch và cũng như các cảng biển cho tàu du lịch để phát huy lợi thế đất nước có bờ biển dài. Kết hợp cảng du lịch với cảng hàng hóa phục vụ đa mục tiêu, mục đích.

Ngoài các loại hình giao thông nêu trên, BST cần quan tâm bổ sung nội dung về phát triển hạ tầng cho các phương tiện, loại hình giao thông mới như giao thông đường ống, giao thông đường dây, xe điện...

2.8.2. Kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt

Hạ tầng điện lực bộc lộ những hạn chế, thiếu khoa học, mạnh ai nấy làm; chưa chuyển đổi kịp thời các dự án nhiệt điện than sang sản xuất, sử dụng điện năng lượng tái tạo, nhất là vẫn còn quy hoạch nhà máy điện than ở khu vực đồng

bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long là những khu vực dễ bị tổn thương; nhà máy điện, thủy điện nhỏ, điện mặt trời gia đình, nhất là sản xuất điện gió, điện mặt trời ồ ạt không đồng bộ với hệ thống truyền tải điện quốc gia, gây lãng phí điện năng nhưng vẫn duy trì giá điện bất hợp lý làm tăng chi phí xã hội. Thêm vào đó là những hệ lụy về môi trường, mất đất, mất rừng, thay đổi dòng chảy, đa dạng sinh học.

Dự thảo Quy hoạch cần nhấn mạnh hơn nữa sự ưu tiên cho việc thúc đẩy phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo và việc làm chủ công nghệ mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong phát triển nhiệt điện than; làm rõ quan điểm, lộ trình giảm, thay thế nguồn năng lượng phát thải sang nguồn năng lượng sạch, phù hợp với cam kết “*phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050*” của Chính phủ tại Hội nghị COP26. Đồng thời cần quan tâm đến yếu tố quốc phòng, an ninh trong phát triển điện gió ngoài khơi, tránh trường hợp lợi dụng kẽ hở trong cơ chế quản lý đầu tư FDI để tự do mua bán, trao đổi, chuyển nhượng dự án ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Phát triển năng lượng cần gắn với sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Tiềm năng tiết kiệm năng lượng ở Việt Nam vẫn còn rất lớn, gắn liền với tính hiệu quả sử dụng năng lượng, đặc biệt là hiệu quả sử dụng điện trong phát triển kinh tế của nước ta và việc làm chủ công nghệ mới. Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng sản xuất và sử dụng năng lượng hạt nhân gắn với mục đích phục vụ phát triển KT-XH và an ninh năng lượng.

Về lĩnh vực dầu khí thực tế hiện nay chúng ta vẫn chủ yếu khai thác bán dầu thô bổ sung cho ngân sách, trong khi đó, mua dầu, xăng thành phẩm với giá cao, phụ thuộc vào nước ngoài. Việc đầu tư ra nước ngoài, thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực dầu khí, gồm cả lọc dầu đã gây ra thiệt hại rất lớn về kinh tế và ngân sách nhà nước.

2.8.3. Hạ tầng thông tin và truyền thông

Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng thông tin và truyền thông tại Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào dự thảo Quy hoạch. Xem xét bổ sung nội dung tích hợp hoạt động bưu chính với thương mại hàng hoá internet như các nước phát triển đang làm hiện nay.

2.8.4. Hệ thống công trình phòng, chống thiên tai và hệ thống thủy lợi

Nội dung này cần được rà soát, bổ sung các mục tiêu cụ thể về nước sạch tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào dự thảo Quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị quan tâm thêm những vấn đề sau:

- Đánh giá, dự báo sự phụ thuộc của Đồng bằng Sông Cửu Long vào nguồn nước bên ngoài biên giới, đặc biệt là vai trò của một số hồ nước ngọt lớn trong

khu vực¹⁴. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng hồ chứa nước nhân tạo đa mục tiêu, vừa cung cấp nước, góp phần tiêu, thoát nước, vừa mang lại giá trị cho phát triển kinh tế.

- Ưu tiên xử lý thoát nước, chống ngập úng cho các đô thị, đặc biệt là đô thị lớn; việc tích trữ và sử dụng tối đa lượng nước mưa tự nhiên, nước ngọt trên các dòng sông.

2.8.5. Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Nội dung này được thiết kế còn chưa xứng tầm với một lĩnh vực đa mục tiêu: vừa khai thác thủy, hải sản phát triển kinh tế biển, vừa giữ chủ quyền quốc gia. Cần quy hoạch hệ thống cảng cá đảm bảo cho phát triển công nghiệp nghề cá đảm bảo mục tiêu: đánh bắt, chế biến, bảo quản; đồng thời quan tâm quy hoạch hệ thống dịch vụ nghề cá, quan tâm quy hoạch các vùng tránh trú neo đậu đảm bảo an toàn cho ngư dân và các lực lượng hoạt động trên biển.

2.8.6. Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn

Dự thảo Quy hoạch cần bổ sung định hướng ưu tiên lắp đặt các trạm quan trắc thủy văn môi trường hiện đại và tự động hoá đầu nguồn các sông lớn xuyên biên giới để đánh giá biến động nguồn nước xuyên biên giới đồng thời quan tâm quy hoạch đầu tư, xây dựng các trạm quan trắc môi trường biển.

2.8.7. Hệ thống hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Đề nghị có nghiên cứu, rà soát các đối tượng có nguy cơ cháy nổ cao, nằm trong khu vực có độ rủi ro cao như khu đông dân cư, gần di sản văn hóa, di sản thiên nhiên... để có quy hoạch hệ thống hạ tầng phòng cháy, chữa cháy phù hợp.

3. Sử dụng tài nguyên quốc gia

- Về tài nguyên nước, chưa quan tâm đến tài nguyên nước mưa, vấn đề khai thác nước mặt, nước ngầm, dẫn đến tình trạng khai thác, sử dụng nước mặt, nước ngầm tùy tiện, lãng phí, cạn kiệt. Đề nghị bổ sung thêm phần giám sát, và giải pháp đảm bảo an ninh tài nguyên nước.

- Về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản cần bổ sung thêm ngoài định hướng là các vấn đề khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản, hay lập quy hoạch bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy sản, tầm nhìn đến 2050 là cần thiết được bổ sung để có được một cách nhìn toàn diện.

- Về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách “nhưng hầu như kết quả thực thi không như ý muốn”, việc phá rừng vẫn tiếp tục. Vậy các định hướng “quản lý và bảo vệ rừng”, cần đánh giá chính sách này có đi vào cuộc sống?!

¹⁴ Hồ Tonlé Sap hay còn được gọi là Biển hồ Campuchia, hồ Nam Ngum ở Lào

- Về khoáng sản, nội dung này viết rất đầy đủ và công phu, đặc biệt là phần định hướng phát triển, trong đó chú trọng định hướng thăm dò, mục tiêu khai thác đối với các loại khoáng sản, mục tiêu công tác chế biến các loại khoáng sản (nên thay cụm từ công tác) và các định hướng sử dụng ở các vùng miền, địa phương về khoáng sản vật liệu xây dựng.

Đề nghị BST nghiên cứu bổ sung Nghị Quyết 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn 2045 với 4 quan điểm phát triển rất rõ ràng, một số mục tiêu và tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã được hoạch định và đề ra 5 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện. Tình trạng tranh thủ khai thác tài nguyên bán thô để bảo đảm ngân sách làm thiệt hại lớn đối với nhà nước. Quá trình khai thác không được quản lý, thiếu tận dụng triệt để gây lãng phí nguồn lực.

Theo chiến lược phát triển ngành dầu khí Việt Nam đã được chính phủ phê duyệt với mục tiêu *“Phát triển ngành dầu khí trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đồng bộ, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, lưu trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khác”*, cần bổ sung nội dung này trong định hướng khoáng sản Việt Nam.

4. Bảo vệ môi trường

4.1. Về hiện trạng bảo vệ môi trường

Phần này nhìn chung đã được chuẩn bị tốt để làm cơ sở thực tiễn cho việc đề ra các mục tiêu, yêu cầu và phương thức tổ chức bảo vệ môi trường trong bản quy hoạch. Tuy nhiên, trong phần này chưa thấy sự khẳng định Bảo vệ môi trường là một trong 3 trụ cột để phát triển đất nước. Thiếu sự quan tâm đến lĩnh vực tạo, tái tạo môi trường. Môi trường nông thôn cũng như thành thị đang bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất kinh doanh. Quy hoạch xử lý rác thải rắn, rác thải sinh hoạt còn manh mún, chủ yếu chạy theo sau nhằm khắc phục trạng thái ô nhiễm. Công nghệ xử lý môi trường chưa đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

- *Về môi trường không khí*: Trong môi trường không khí, ô nhiễm nhất hiện nay là khói-bụi và bụi do đốt rơm ngoài các cánh đồng sau mỗi vụ thu hoạch, trong các nhà máy, xí nghiệp, các khu công nghiệp, làng nghề xả ra. Trong các đô thị, nhất là ở các thành phố, đô thị lớn lớn, hàng ngày với hàng triệu các phương tiện vận tải như xe máy, ô tô xả khói, bụi ra không khí, mà bầu không khí này các thông tin thời tiết thường nói trong mỗi bản tin sáng là *“không khí này rất có hại cho sức khỏe”*.

- *Về môi trường nước*: Nhiều dòng sông đã bị ô nhiễm do nước thải từ các khu công nghiệp lớn, nhỏ thải ra, do không được xử lý các hóa chất độc hại. Có những con sông được mệnh danh là “sông chết”, nước đen ngòm quanh năm, suốt tháng, chảy qua thành phố, chảy dài về nông thôn, qua nhiều xã, huyện, chảy liên tỉnh (như sông Nhuệ ở Hà Nội). Nước ở những con sông này lại được bơm vào

đồng ruộng để cấy lúa và trồng hoa màu. Trong hạt gạo, rau màu, củ, quả lại được con người, vật nuôi ăn vào cơ thể, sẽ bị nhiễm các hóa chất độc hại. Câu nói dân dã : “Con hai chuồng, rau 2 luống” “Thịt sạch, củ, quả sạch” là để phân biệt thực phẩm tốt và độc hại hiện nay.

Nước ven biển hiện nay cũng đã bị ô nhiễm do nước ở các con sông ít nhiều bị ô nhiễm chảy ra biển và nước thải từ các con tàu biển, tàu sông, thuyền đánh cá thải ra hàng ngày, cũng là nhân tố gây độc hại cần cảnh báo với con người

- *Về môi trường đất:* Theo mối quan hệ nhân quả, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất trồng cây ăn quả do lấy nước từ các con sông đã bị nhiễm độc thì đất ở nơi đó đã bị nhiễm độc. Đất và nước bị nhiễm độc, thì sản phẩm nông nghiệp ắt phải bị nhiễm độc và như vậy con người ăn vào sẽ ít nhiều bị nhiễm các chất độc hại, gây bệnh, ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến sức khỏe.

Vấn nạn rác thải ở đô thị và nông thôn đang là vấn đề nhức nhối về ô nhiễm môi trường. Các giải pháp thu gom rác thải, xử lý rác thải chưa có hiệu quả cao. Ở đô thị, nông thôn rác thải hàng ngày được để ra đường hoặc vứt xuống sông, suối, kênh rạch chưa được thu gom, xử lý triệt để, nên rất ô nhiễm môi trường sống. Quy hoạch, kế hoạch thu gom, xử lý rác thải còn những bất cập, nhất là chưa được xã hội hóa trong việc thu gom và xử lý. Việc áp dụng tiến bộ công nghệ xử lý rác của các nước tiên tiến là rất chậm.

- *Về công tác quản lý, bảo vệ môi trường:* Đánh giá về công tác quản lý, bảo vệ môi trường những năm qua, Đảng ta nhận định: “*Ý thức chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu còn thấp... Chất lượng môi trường một số nơi tiếp tục xuống cấp; thích ứng với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm. Ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, tái chế chất thải, xử lý rác, chậm phát triển, còn lạc hậu. Tình trạng nhập khẩu công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu không đạt chuẩn về môi trường chậm được khắc phục.*”¹⁵

4.2. Về định hướng bảo vệ môi trường

Về định hướng bảo vệ môi trường, được trình bày tương đối đầy đủ các nội dung cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển của Đất nước với hiện trạng bảo vệ Môi trường trong giai đoạn hiện nay, đáp ứng yêu cầu hướng tới phát triển bền vững, cân bằng giữa Xã hội - Kinh tế và Bảo vệ Môi trường.

Quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường nhìn chung là phù hợp với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu đã được đề ra tại các văn bản

¹⁵ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021, Trang 86-87

chính thống liên quan như nghị quyết, chỉ thị của Đảng; văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Bên cạnh những nhận định nêu trên, đề nghị BST xem xét một số ý kiến sau:

- Về quan điểm, đề nghị chỉnh sửa điểm a và bổ sung điểm d như sau:

a) *Kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (sửa).*

d) *Bảo vệ Môi trường sống là sự nghiệp và trách nhiệm của toàn dân, việc quản lý và tổ chức không gian phát triển dựa trên nền tảng phân vùng Môi trường cần đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ Môi trường có sự gắn kết chặt chẽ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, từng dự án và ý thức của người dân.*

- Về mục tiêu tổng quát, đề nghị chỉnh sửa: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; kiểm soát được các nguồn ô nhiễm, khuyến khích *phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, Các bon thấp* từng bước cải thiện chất lượng môi trường và *bảo vệ sức khỏe nhân dân*; bảo vệ, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, góp phần phát triển bền vững đất nước

- Về mục tiêu cụ thể, đề nghị sửa như sau:

+ Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định **đạt** trên 30% đối với đô thị loại II trở lên; 10% đối với đô thị còn lại (năm 2025); trên 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với đô thị còn lại (năm 2030);

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị **phải** xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom **không vượt quá** 10% (năm 2030);

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định: Năm 2025 là 95%; năm 2030 là 98%;

+ Bổ sung cụ thể diện tích che phủ rừng tương ứng với mục tiêu duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42-43% (năm 2030); diện tích tương ứng với mục tiêu đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (năm 2030).

Ngoài các góp ý cụ thể nêu trên, đề nghị BST quan tâm xem xét những nhận định sau:

+ Thiếu mục tiêu cụ thể về chất thải rắn công nghiệp thông thường, bụi và khí thải, về một vài chỉ tiêu cụ thể liên quan đến phát triển cụ thể, số lượng và diện tích vùng bảo tồn thiên nhiên, khu vực đa dạng sinh học cao...tới 2030, và mục tiêu cụ thể quy hoạch phát triển các Trung tâm quan trắc Môi trường và kiểm soát ô nhiễm.

+ Hiện tại tỷ lệ thu gom, xử lý CTR công nghiệp khá cao, đạt trên 90% khối lượng phát sinh, 50% tro xỉ phát sinh được tái sử dụng, nhưng tới 2030 định

hướng phát triển công nghiệp sẽ có nhiều cơ sở sản xuất với quy mô lớn. Vì vậy, cần quan tâm, có biện pháp ứng phó.

- Về phân vùng môi trường và phương hướng bảo vệ môi trường đã phù hợp với chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, thống nhất quan điểm về phân vùng Môi trường theo 3 loại vùng. Đối với phần này cần viết lại theo hướng đến năm 2025 phải hoàn thiện Bản đồ phân vùng chịu tải môi trường làm cơ sở để cấp phép các cơ sở sản xuất phát thải ô nhiễm môi trường.

- Định hướng bảo vệ môi trường có thể cần rà soát để phù hợp với chiến lược và quy hoạch bảo vệ môi trường đối với từng phân vùng môi trường.

- Định hướng các khu vực thành lập khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: đã đầy đủ các hạng mục liên quan, tuy nhiên một số nội dung của phần này có thể đưa lên bổ sung vào phần mục tiêu cụ thể.

- Về các sinh cảnh đa dạng sinh học cao, xem xét cụ thể hơn về số lượng hay diện tích quy hoạch vùng bảo vệ cho giai đoạn 2021-2030.

- Về các cơ sở bảo tồn, một số mục tiêu thiếu chỉ tiêu cụ thể, đề nghị rà soát, bổ sung.

- Về định hướng quản lý chất thải cấp quốc gia, đề nghị bổ sung định hướng thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải gắn với hình thành chuỗi sản xuất tiếp nối liên tục...đồng thời chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung như sau:

- + *“vận chuyển, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn theo hướng hiện đại, phù hợp với loại CTR được thu gom. Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.”.*

- + *“chuyển đổi các bãi chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt thành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng công nghệ hiện đại, Dừng hoạt động và cải tạo phục hồi môi trường và giảm dần về số lượng đối với các bãi chôn lấp CTR không hợp vệ sinh, cơ sở xử lý quy mô nhỏ (cấp xã, phân tán) có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.”*

- Về quản lý nước thải: Đề nghị làm rõ lý do đưa các cơ sở gây ô nhiễm Môi trường nghiêm trọng vào mục Quản lý nước thải, nên có tại mục tiêu cụ thể về tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý.

- Về phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia có đưa ra 5 nội dung, *nhưng lại không cụ thể tới 2030*; đề ra mục tiêu hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động các trạm, điểm và yếu tố quan trắc mới trong quy hoạch (*nhưng chưa cụ thể là những loại trạm nào số lượng, chủng loại...*) đưa mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc

gia của Việt Nam đạt trình độ hàng đầu khu vực Đông Nam Á và trình độ tiên tiến của khu vực Châu Á.

+ Giải pháp về bảo vệ môi trường đã khá đầy đủ, nên có đánh giá sơ bộ tính khả thi của các giải pháp đề xuất. Lưu ý hay bổ sung nội dung *“coi chất thải là nguồn tài nguyên, quản lý các chất thải (Rắn, khí, lỏng) phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”*, đây là cách tiếp cận mới trong quản lý mà Việt Nam đang hướng tới, đã được đề cập trong Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/năm 2022.

- Quản lý chất lượng môi trường không khí: thiếu các biện pháp quản lý chất lượng không khí tại các KCN, CCN, và nơi tập trung nhiều hoạt động phát sinh bụi và khí thải

- Giải pháp về Khoa học Công nghệ: bổ sung thêm 1 nội dung về ưu tiên và khuyến khích lựa chọn áp dụng các kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) và sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải ô nhiễm. xây dựng và ban hành các hướng dẫn về yêu cầu áp dụng BAT phù hợp với điều kiện thực tế phát triển khoa học Công nghệ ở Việt Nam.

5. Định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Về cơ bản các nội dung định hướng tại phần này là rất cần thiết. Tuy nhiên, cần phải xác định các chỉ tiêu cụ thể để phòng chống có hiệu quả; đồng thời cần có kế hoạch cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, bố trí nguồn lực từ nhân lực đến tài chính một cách hợp lý để chủ động phòng, chống kịp thời, thông tin kịp thời chính xác.

Trong phòng chống thiên tai nên phát huy tri thức văn hóa dân gian, văn hóa bản địa đồng thời tiếp thu kinh nghiệm các nước đã có thành công trong phòng chống thiên tai.

Trong ứng phó với biến đổi khí hậu, đề nghị rà soát bổ sung các chính sách và giải pháp để thực hiện cam kết của Thủ tướng tại Hội nghị COP26 vừa qua là: đến năm 2050 Việt Nam đưa phát thải khí nhà kính bằng 0 (Net zero).

6. Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh

Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trong Quy hoạch tổng thể phát triển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 phải được thể hiện cụ thể, thống nhất và tương xứng ngay trong việc hoạch định mục tiêu phát triển quốc gia, trong huy động nguồn lực, trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược theo các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Toàn bộ hoạt động xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội phải luôn gắn kết chặt chẽ với tăng cường quốc phòng - an ninh là một yêu cầu đòi hỏi tất yếu khách quan. Kinh tế thị trường gắn với việc mở cửa, hội nhập quốc tế thúc đẩy sự phát

triển kinh tế trong nước thông qua phát huy các lợi thế, tạo tiền đề vật chất cho tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Mục này được thiết kế với nội dung quá khiêm tốn so với tầm quan trọng của nội dung này. Vì vậy, đề nghị BST nghiên cứu bổ sung nội dung này theo cấu trúc sau:

6.1. Về mục tiêu, yêu cầu

a) *Về mục tiêu:* Khai thác, huy động và sử dụng mọi tiềm năng của mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh làm cho kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh đều phát triển một cách cân đối, hài hòa và vững chắc, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi mục tiêu: Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b) Về yêu cầu

- Kết hợp phải toàn diện, cơ bản, lâu dài ngay từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trên phạm vi, từng ngành và từng địa phương. *Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo, khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm, giữa đảm bảo an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.*

- Phải tập trung có trọng điểm và các địa bàn chiến lược (vùng biển và ven biển, vùng biên giới có đông *đồng bào dân tộc, tôn giáo*), *các khu kinh tế cửa khẩu*; những ngành, những lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội quan trọng (kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, ngành giao thông, bưu chính - viễn thông...).

- Xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, kinh tế - an ninh phù hợp với chiến lược, đề án về quốc phòng, an ninh, hỗ trợ phát triển kinh tế dân cư vùng biên giới, đảm bảo đời sống nhân dân để tạo tiền đề và thúc đẩy các hoạt động kiểm soát vùng biên giới.

- Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình trong nước, thế giới và khu vực tăng cường xây dựng các khu kinh tế biển, xây dựng các chương trình hỗ trợ ngư dân bám biển, đánh bắt xa bờ, tạo điều kiện cho việc phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển. Phát triển mạnh lĩnh vực dầu khí, điện gió, điện mặt trời ở ven biển, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ chủ quyền biên giới lãnh thổ và lợi ích biển của Việt Nam.

- Phải chủ động xây dựng và thực tập các kịch bản, phương án, kế hoạch sẵn sàng điều chỉnh thích ứng với thời chiến, nguy cơ các cuộc xung đột biên giới đất liền, biên giới biển, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống phức tạp xảy ra, hạn chế tổn thất, thiệt hại do các mối đe dọa an ninh phi truyền thống (như: biến đổi khí hậu, thảm họa môi trường, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh...).

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước; sự tham gia của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; vai trò nòng cốt, tham mưu đắc lực, hiệu quả của các cơ quan chuyên trách liên quan; phối hợp đồng bộ của các ngành các cấp trên cơ sở hệ thống pháp lý, cơ chế, chính sách đồng bộ, thích hợp, sát thực tế tình hình của từng địa phương địa phương.

6.2. Về nội dung kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh

a) Kết hợp kinh tế-xã hội với quốc phòng-an ninh trong các chiến lược, quy hoạch tổng thể

- Kết hợp theo vùng, bao gồm: vùng phát triển kinh tế biển; vùng phát triển kinh tế nông nghiệp; vùng phát triển kinh tế đô thị; vùng biển và ven biển, vùng có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo:

- Kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh. Nghiên cứu định hướng kết hợp bố trí tổng thể quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội trong hình thành các hành lang kinh tế, các vùng động lực trong phát triển hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, trên địa bàn trọng yếu.

- Kết hợp trong thực hiện các chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng xuất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Kết hợp quản lý về quốc phòng - an ninh đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các dự án đầu tư nước ngoài, các dự án đầu tư tại các địa bàn trọng yếu chiến lược về quốc phòng - an ninh.

- Kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế với xây dựng khu vực phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã, phường chiến đấu trong từng địa bàn của huyện, thị xã, thành phố và của tỉnh.

- Kết hợp quá trình phân công lại lao động, phân bổ lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh sắp xếp bố trí lại lực lượng quốc phòng - an ninh.

- Kết hợp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, trang thiết bị... đảm bảo mỗi công trình đều có tính "lưỡng dụng" cao, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

- Kết hợp xây dựng cơ sở chính trị, kinh tế - xã hội vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, hậu cần, kỹ thuật và hậu phương vững chắc.

b) Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu...

- Về công nghiệp: Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành, bố trí hợp lí cần quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện công nghiệp hóa-hiện đại hóa- kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

+ Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp có liên quan đến quốc phòng, an ninh để đáp ứng nhu cầu trang bị cơ giới cho nền kinh tế vừa sản xuất ra những sản phẩm kĩ thuật công nghệ cao phục vụ cho quốc phòng an ninh.

+ Mở rộng tính liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp, công nghiệp quốc phòng nước ta với công nghiệp các nước tiên tiến trên thế giới, ưu tiên những ngành có tính lưỡng dụng cao.

+ Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ cho thời chiến, thực hiện dự trữ chiến lược nguyên-nhiên-vật liệu quý hiếm cho sản xuất công nghiệp quốc phòng.

- Về nông-lâm-ngư nghiệp:

+ Cần khai thác có hiệu quả tiềm năng đất rừng biển đảo và lực lượng lao động để phục vụ cho nhu cầu dân sinh xuất khẩu và có dự trữ cho quốc phòng an ninh.

+ Kết hợp trong nông-lâm-ngư nghiệp phải gắn với giải quyết tốt các vấn đề của xã hội đồng thời đảm bảo giữ vững về an ninh lương thực, an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ và thế trận lòng dân vững chắc. Gắn việc động viên đưa dân đến lập nghiệp ở các đảo với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã, các mô hình hợp tác, đội tuyển đánh bắt xa bờ với xây dựng lực lượng đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở, quân dân tự vệ biển đảo. Đẩy mạnh phát triển trồng rừng, gắn công tác định canh, định cư, xây dựng cơ sở chính trị vững chắc; xây dựng và củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân nhất là ở vùng biên giới.

- Đối với giao thông vận tải:

+ Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ ở các loại đường để đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và mở rộng giao lưu với bên ngoài, chú trọng mở rộng nâng cấp các tuyến đường trục Bắc Nam. Đồng thời xây dựng tuyến đường vành đai biên giới.

+ Trong dự án, thiết kế thi công các tuyến vận tải chiến lược phải tính đến các phương tiện cơ động quân sự an ninh có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn liên tục.

+ Các tuyến đường xuyên Á đi qua lãnh thổ Việt Nam cần phải có kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ kiên cố, vững chắc.

- Trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng và bưu chính viễn thông:

+ Phải kết hợp chặt chẽ giữa các đơn vị có liên quan trong quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng và bưu chính viễn thông với an toàn thông tin

mạng, bưu chính, viễn thông của quốc gia với hệ thống thông tin của quân đội, công an để phát triển hệ thống an ninh quốc gia hiện đại.

- + Có phương án thiết kế xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc một cách vững chắc trong mọi tình huống.

- + Các phương tiện thông tin liên lạc và điện tử cần phải được bảo đảm bí mật và có khả năng chống nhiễu cao.

- + Quá trình hợp tác với nước ngoài về xây dựng, mua sắm các trang thiết bị thông tin điện tử phải có sự phối hợp trong xây dựng đề án, dự án, lựa chọn đối tác tin cậy, đủ năng lực, nâng cao tinh thần cảnh giác, đảm bảo bí mật nhà nước, đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Trong quản lý đất đai và xây dựng cơ bản:

- + Bố trí quy hoạch quỹ đất quốc phòng - an ninh để phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, an ninh môi trường, an ninh công nghệ cao.

- + Khi xây dựng bất kỳ công trình nào, ở đâu, quy mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hóa được cho cả quốc phòng an ninh khi cần thiết.

- + Khi xây dựng ở các thành phố đô thị phải gắn với khu vực phòng thủ của địa phương và phải xây dựng được các công trình ngầm.

- + Khi xây dựng ở các khu công nghiệp tập trung các nhà máy lớn quan trọng phải tính đến yếu tố bảo vệ và di dời khi cần thiết.

- + Cần nghiên cứu sản xuất những vật liệu siêu bền nhẹ, có khả năng chống xuyên, chống mạnh, chống mặn để phục vụ xây dựng cho các công trình phòng thủ quốc phòng.

- + Khi cấp phép đầu tư xây dựng cho các đối tác nước ngoài phải có sự tham gia ý kiến thẩm định về quốc phòng, an ninh, thẩm định hình sự học của các cơ quan có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Trong khoa học, giáo dục:

- + Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành khoa học công nghệ của nhà nước và của quốc phòng an ninh để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nghiên cứu, ban hành các chính sách khuyến khích các tổ chức và cá nhân có đề tài khoa học công nghệ mang tính ứng dụng cao, có gắn với ứng dụng cho quốc phòng- an ninh.

- + Có chính sách đầu tư thỏa đáng cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Cần xem trọng giáo dục, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài cho đất nước để đáp ứng cho cả sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng.

- Trong y tế:

+ Xây dựng mô hình quân-dân-y và công an kết hợp trên tất cả các địa bàn, đặc biệt là miền núi biên giới; Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho quân sự, an ninh khi có chiến tranh xảy ra;

+ Phát huy vai trò của y tế dân sự quân sự, an ninh trong phòng chống, khám chữa bệnh cho nhân dân cả thời bình và thời chiến.;

+ Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường đội ngũ bác sỹ phục vụ giám định pháp y, giám định gen và các loại giám định sinh học, sinh phẩm..

7. Về phát triển và tổ chức không gian phát triển đất nước giai đoạn 2011-2020

Đây là mục rất quan trọng, mang tính khái quát cao, để đúc kết và nhận diện những vấn đề căn cốt nhất của quá trình phát triển giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, dung lượng được dành cho nội dung này còn khá khiêm tốn, chưa xứng tầm, cần đánh giá thực lực quốc gia hiện có - với tư cách là tổng thể sức mạnh quốc gia được chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới, không phải là chỉ ra các kết quả phát triển cụ thể, riêng biệt đạt được. Mục “Nguyên nhân của hạn chế yếu kém” và “Bài học kinh nghiệm” còn khái quát, chưa nêu được các vấn đề lớn, ở tầm quốc gia một cách sâu sắc và có tính hệ thống. Vì vậy đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung các nội dung để tương xứng với những phân tích mang tầm Quy hoạch tổng thể quốc gia.

8. Quan điểm, mục tiêu và kịch bản phát triển

8.1. Dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước

Cần được viết kỹ hơn ở khía cạnh tác động chiến lược đến Việt Nam; đồng thời cần nhận diện khái quát hơn đặc trưng thời đại (tính bất ổn, bất định, bất trắc) và những đòi hỏi rất mới và rất khác về các năng lực phát triển (mang tầm thời đại) và cách tiếp cận phát triển mới của quốc gia.

8.2. Lợi thế so sánh và cơ hội phát triển, khó khăn và thách thức đối với sự phát triển của quốc gia

Dung lượng dành cho nội dung này còn ít, cần phân tích, nhận định thêm về một số nội dung sau:

- Về điểm mạnh, lợi thế so sánh, đề nghị bổ sung đánh giá tiềm năng và giá trị to lớn của nền nông nghiệp Việt Nam đồng thời bổ sung lợi thế của người đi sau.

- Về hạn chế, điểm yếu, đề nghị bổ sung nhận định: Việt Nam thiếu những Tập đoàn kinh tế mạnh, chưa xác lập được những thương hiệu lớn; uy tín và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa cao, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận thị trường thế giới. Ngoài ra, một số điểm yếu cần chú ý như: i) Thực lực doanh nghiệp Việt nam còn yếu; ii) Nền tảng kinh tế thị trường (các thị trường, cơ chế vận hành, sức cạnh tranh quốc tế) chưa hoàn thiện; iii) Cấu trúc thể chế cho nền kinh tế công nghệ cao và Kinh tế số vẫn chưa định hình.

- Trước “Các kịch bản phát triển”, cần thiết có một phần xác định triết lý phát triển của Việt Nam trong thời đại ngày nay cũng như những yếu tố cơ bản định hình chân dung phát triển đất nước.

- Về các thách thức đối với phát triển, đề nghị bổ sung một số thách thức chủ quan như về trình độ quản lý còn thấp; tình trạng lãng phí và ý thức pháp luật chưa cao.

9. Những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong thời kỳ quy hoạch

Đề nghị nghiên cứu đưa vấn đề phát triển hạ tầng lên hàng đầu vì khi có kết cấu hạ tầng phù hợp, đồng bộ sẽ là điều kiện hàng đầu để phát triển các hành lang kinh tế, các vùng động lực, đô thị lớn và các khu kinh tế và bổ sung định hướng: *“Định hình các Vùng Kinh tế lớn và xây dựng cơ chế, nguyên tắc phát triển Vùng đáp ứng các yêu cầu phát triển mới”*.

10. Các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch và các dự án quan trọng quốc gia

Quy hoạch đưa ra 6 giải pháp và 20 dự án quan trọng quốc gia, đó là các giải pháp về: huy động vốn đầu tư; cơ chế, chính sách; giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ; giải pháp phát triển nguồn nhân lực; giải pháp hợp tác quốc tế; giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện qui hoạch. Nhìn chung, các giải pháp đưa ra là khá đồng bộ, phù hợp, có căn cứ khoa học và tính khả thi.

Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung một số giải pháp, như: Giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật cho sự phát triển. Pháp luật cũng là một công cụ quản lý nhà nước quan trọng và có liên quan đến các giải pháp thực hiện, nhất là trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay. Đề nghị nghiên cứu bổ sung nguồn lực liên quan đến nhu cầu về đất đai vì đây là một trong những yếu tố quan trọng quyết định tính khả thi của quy hoạch.

10.1. Về giải pháp huy động vốn đầu tư

Cần nhấn mạnh và bổ sung một số nội dung:

- Cần xác định phải nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn đầu tư hơn nữa, bằng cách ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, công nghệ cao, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay trong mọi lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, nhất là trong lĩnh vực logistic... để hệ số ICOR giai đoạn 2021-2030 chỉ còn 4,0 - 4,5 (dự thảo là 4,9).

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước và DNNN, cần phải:

+ Thực hiện tốt các biện pháp tích cực, chủ động để chống thất thoát (lãng phí, tiêu cực...) trong sử dụng vốn đầu tư công, bao gồm cả vốn NSNN, vốn vay, vốn ODA.

+ Quản lý tốt đất đai, đất rừng, tài nguyên khoáng sản... tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển, đồng thời phân bổ có hiệu quả nguồn lực¹⁶. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, đấu giá đất, không để tình trạng lũng đoạn giá đất, thông thầu.

- Đối với khu vực tư nhân:

¹⁶ Hiện nay đất đai của các nông, lâm trường còn chưa được quản lý tốt, gây thất thoát, lãng phí lớn nguồn lực của quốc gia.

+ Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, trong đó chú trọng thành lập các doanh nghiệp mới và tạo động lực cho các doanh nghiệp gặp khó khăn trở lại sản xuất - kinh doanh.

+ Có chính sách đầu tư, hỗ trợ những doanh nghiệp lớn, đầu ngành có thương hiệu để trở thành mũi nhọn, đầu tàu thúc đẩy các doanh nghiệp khác phát triển và có đủ sức tham gia vào các hoạt động, công trình lớn của đất nước.

+ Quản lý tốt đầu tư theo hình thức BOT, BT, không để tình trạng “tay không bắt giặc” hay không qua đấu thầu đấu giá đất đối với hình thức đầu tư BT.

+ Quản lý tốt thị trường chứng khoán.

- Đối với khu vực đầu tư nước ngoài: Vốn ODA cần tập trung cho các công trình trọng điểm, quản lý tốt, giải ngân kịp thời, không để kéo dài, gây thất thoát, lãng phí đồng thời chống tình trạng chuyển giá.

10.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Đề nghị bổ sung các cơ chế, chính sách sau:

- Tăng cường công tác xã hội hóa trong đầu tư công

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong xây dựng và đầu tư công, phát huy lợi thế của từng vùng mà thu hút, đầu tư phát triển chứ không nặng về đầu tư mang tính chất cân đối giữa các vùng, khu vực

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư tập trung phát triển các doanh nghiệp đầu tàu, đầu ngành (cả doanh nghiệp tư nhân).

- Cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin...

10.3. Giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ

a) Về môi trường

- Trong quá trình xem xét đầu tư, cả trong và ngoài nước, chỉ cấp giấy phép hoạt động cho những doanh nghiệp công nghệ sạch. Hạn chế đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ.

- Có biện pháp tích cực, chủ động giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp và trong lĩnh vực khai khoáng. Kiên quyết thực hiện các khu công nghiệp, khu chế xuất phải bảo đảm các quy định pháp luật về môi trường.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng trọt, sản xuất để¹⁷ bảo đảm môi trường, sinh thái. Đầu tư ứng dụng công nghệ xử lý, đốt rác phát điện để vừa bảo vệ môi trường vừa có điện năng sử dụng.

b) Về khoa học công nghệ

- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước giành cho nghiên cứu khoa học.

¹⁷ Canh tác, canh tác đa tầng, thực hiện kinh tế tuần hoàn, canh tác phù hợp với điều kiện tự nhiên, không nặng về cải tạo

- Khuyến khích và gắn doanh nghiệp với nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ sản xuất và sản phẩm chất lượng cao. Gắn trách nhiệm chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Đầu tư mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới đối với những lĩnh vực, ngành trọng điểm.

- Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, thực hiện cơ chế tự chủ, gắn với nghiên cứu kết quả có địa chỉ, hợp đồng cụ thể. Có đầu tư thích đáng đối với cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm, đầu ngành.

- Có chính sách đầu tư các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ thông tin... mang tính chất đầu tàu, tác dụng lan tỏa cao.

10.4. Về giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xác định và phân định rõ cơ sở đào tạo chất lượng cao ở các hệ đào tạo (đào tạo nghề, cao đẳng nghề, đại học...), lĩnh vực trọng điểm để có chính sách đầu tư, tạo ra đột phá trong đào tạo nghề, đào tạo đại học chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao khi mà kinh tế- xã hội ngày càng phát triển.

- Thu hút đầu tư nước ngoài mở các cơ sở đào tạo nghề, đào tạo đại học chất lượng cao ở trong nước. Sắp xếp lại hệ thống đào tạo nghề, nhất là ở cơ sở và tuyến huyện.

11. Các chương trình, dự án quan trọng của quốc gia và phân kỳ thực hiện

Việc xác định các dự án quan trọng của quốc gia là rất cần thiết, tuy nhiên, trong dự thảo Quy hoạch mới chỉ xác định 20 dự án về lĩnh vực hạ tầng giao thông, bao gồm cả đường bộ, đường hàng không, đường thủy mà không có những hạ tầng quan trọng trong các lĩnh vực khác, như về điện lực, công nghệ thông tin, hạ tầng đảm bảo an ninh, quốc phòng... Vì vậy, cần phải được nghiên cứu và xác định đầy đủ các dự án quan trọng trong các lĩnh vực có tác động trực tiếp, to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đề Quy hoạch tổng thể quốc gia trở thành hiện thực trong cuộc sống, có nhiều yếu tố tác động, quyết định. Trong đó, các giải pháp thực hiện có vai trò rất to lớn. Vì vậy, cần rà soát, nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện đầy đủ các giải pháp, cùng với điều kiện về nguồn lực, về tổ chức thực hiện sẽ là những yếu tố thực hiện thành công của Quy hoạch.

12. Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050

Nhìn chung, bản Dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) được trình bày rất công phu, tỷ mỉ, bám sát nội dung được quy định trong Luật Quy hoạch 2017. Bản Dự thảo ĐMC thẳng thắn chỉ ra: “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đã đặt mục tiêu giảm tỷ lệ chôn lấp CTR đô thị từ 70% hiện tại xuống mức 30% vào năm 2025 và 10% vào năm 2030” là khó thực hiện được (trang 291). Ngoài ra Dự thảo ĐMC cũng dự báo nhiều rủi ro về môi trường trong vòng 10 năm tới, khá sát với thực tế; đã đề cập đến mô hình giảm phát thải khí nhà

kính hướng tới trung hòa carbon vào năm 2050 như cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

Tuy vậy, các nghiên cứu về phát thải khí nhà kính chưa thể hiện chiều sâu và chưa vạch ra những bước đi cần thiết để đạt cam kết phát thải ròng KNK bằng không cho lộ trình 8 năm đầu tiên (đến 2030) trong 28 năm còn lại (đến 2050). Việc phân tích và tính toán mô hình giảm phát thải KNK trong Quy hoạch tổng thể cần phải được đặc biệt quan tâm, nó không chỉ là cơ sở để lập các quy hoạch quan trọng khác như Quy hoạch năng lượng (Quy hoạch điện 8), Quy hoạch công nghiệp, nông nghiệp v.v... mà còn khẳng định việc thực hiện cam kết phát thải ròng bằng không vào năm 2050 có khả thi hay không? Lộ trình phương hướng phát triển xanh trong 2 thập niên sau 2030 sẽ như thế nào?

Đề nghị BST nghiên cứu rà soát chỉnh sửa dự thảo Quy hoạch cũng như dự thảo Báo cáo ĐMC theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan. Những góp ý chi tiết theo từng chương mục của ĐMC, như sau:

12.1. Về tóm tắt nội dung Quy hoạch

- Phần căn cứ cơ sở pháp lý để lập Quy hoạch và ĐCM chưa đề cập đến các Nghị quyết của Quốc hội khóa XV về phát triển kinh tế¹⁸, đề nghị rà soát, chỉnh sửa bổ sung phù hợp.

Phần dự kiến kết quả đầu ra, cần xem lại dự báo tăng trưởng kinh tế khi thể hiện GDP vẫn tăng, giai đoạn sau lớn hơn giai đoạn trước¹⁹ khi quy mô nền kinh tế tăng lên. Điều này có vẻ không phù hợp với xu hướng trên thế giới là khi quy mô nền kinh tế càng lớn thì tốc độ tăng GDP sẽ bị chậm lại do khả năng phát huy các nguồn lực càng gần với điểm tới hạn. Cần xem lại cơ sở để đưa ra các dự báo này. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa một số chỉ tiêu phù hợp với các chỉ tiêu đã được đề ra trong các văn bản của Đảng và Nhà nước đã ban hành gần đây.²⁰

Phần Phương hướng phát triển, mục Hạ tầng năng lượng (trang 53), đề nghị Ban soạn thảo thường xuyên theo dõi, rà soát, cập nhật các chỉ tiêu phù hợp với dự thảo Quy hoạch Điện 8 đang được Bộ Công Thương trình Thủ tướng phê duyệt.

Phần Phương án tổ chức không gian biển (trang 82-85) chưa đề cập đến phương án phát triển tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là hai đơn vị hành chính quan trọng cần đưa vào Quy hoạch tổng thể quốc gia, vừa khẳng định chủ quyền, vừa thống nhất về quan điểm và phương pháp “hợp tác - đấu tranh” song hành được nêu trong nhiều văn kiện của Đảng.

12.2. Phạm vi đánh giá môi trường chiến lược

¹⁸ Gồm Nghị quyết số 16/NQ-QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025; Nghị quyết số 31/NQ-QH15 về kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế 2021-2025 và Nghị quyết số 32/NQ-QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2022

¹⁹ Trang 31, về dự báo tăng trưởng kinh tế (kịch bản thấp) có nêu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 6,26%/năm giai đoạn 2021-2025, 6,34%/năm giai đoạn 2026 - 2030 và 6,64%/năm giai đoạn 2031 - 2050

²⁰ Dự báo theo “kịch bản thấp” thấp hơn so với chỉ tiêu nêu trong Nghị quyết số 16/NQ-QH15 là tốc độ phát triển giai đoạn 2021-2025 đặt bình quân 6,5-7,0%/năm; Phần Mục tiêu tổng quát (trang 38) có nêu “đến năm 2050 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Như vậy mục tiêu này đã chậm hơn 5 năm so với Nghị quyết Đại hội XIII là “Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”.

Mục 2.2.1.2. Môi trường nước (trang 105-106) chưa đánh giá tình trạng thiếu nước ở một số lưu vực sông trong các mùa trong năm để phục vụ sản xuất và sinh hoạt, hiện tượng nước biển dâng do Biến đổi khí hậu (BĐKH) làm ảnh hưởng đến nguồn nước ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đề nghị rà soát, chỉnh sửa số liệu tại một số mục:

- Mục 2.2.1.5 - Chất thải rắn, có nêu Đồng Nai phát sinh chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày trên 6.000 tấn (trang 125)²¹.

- Số liệu về rác thải sinh hoạt được chôn lấp hợp vệ sinh tại mục 2.2.1.5 và mục 2.2.1.6 chưa thống nhất²². Tương tự tại Chương 3 - Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường (trang 183).

- Mục 2.2.3.1 - Điều kiện kinh tế nêu tốc độ tăng GDP năm 2020 “ước đạt trên 2%” (trang 142). Đề nghị ghi rõ là 2,9% như Báo cáo thống kê.

Đề nghị rà soát, hoàn thiện nội dung giá về BĐKH trong quá trình phát triển kinh tế trong kỳ Quy hoạch như yêu cầu tại Điều 27 của Luật Bảo vệ môi trường.

12.3. Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường

Mục 3.1 - Đánh giá sự phù hợp các mục tiêu của Quy hoạch với mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường có nêu “*Tỷ lệ xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải vào các lưu vực các sông đạt trên 70%*” vào năm 2030. Đề nghị xem xét lại về tính khả thi của chỉ tiêu đã đặt ra²³.

Trang 158, tiêu đề của Bảng 3.1 “mục tiêu Quy hoạch tỉnh” cần phải được sửa lại thành “mục tiêu Quy hoạch tổng thể quốc gia”.

Bảng 3.2 - Nhận diện các nguồn tác động chính còn khá chung chung, mờ nhạt, mang nặng tính lý thuyết mà thiếu tính thực tiễn về biến đổi khí hậu; chưa nêu rõ về các kiến nghị thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu²⁴. Tại trang 169, phần đánh giá về Năng lượng tái tạo (NLTT), đề nghị tách biệt đánh giá Điện gió và Điện mặt trời do tác động của điện gió và điện mặt trời đến môi trường là khác nhau

Đề nghị rà soát bố trí lại bố cục để đủ nội dung thông tin, nhưng không lặp lại²⁵. Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi chính tả: Trang 184, “...thực hiện bởi khu vực phi.”.

Phần BĐKH (trang 192) còn khá chung chung, không phân biệt sự ảnh hưởng khác nhau giữa các vùng miền trong cả nước, mang nặng tính lý thuyết,

²¹ Theo báo cáo số 5280 ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai gửi UB KH, CN & MT của Quốc Hội thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là khoảng 2.000 Tấn/ngày

²² Tại trang 126 (mục 2.2.1.5) nêu 70% rác thải SH được mang chôn lấp, trong đó chỉ có 20% là chôn lấp hợp vệ sinh, nhưng trang 130 (thuộc mục 2.2.1.6) lại nêu 30% số bãi rác chôn lấp là không hợp vệ sinh

²³ Hiện nay mới xử lý được 15% nước thải đô thị mà chỉ còn 8 năm nữa trong kỳ Quy hoạch (2023-2030) thì khó có thể xử lý thêm 55% nữa, tương đương 2.750.000 m³/ngày, tức là phải xây 55 nhà máy xử lý nước thải đô thị có công suất 50.000 m³/ngày trong vòng 8 năm tới, trong khi hiện chưa có chính sách gì thúc đẩy lĩnh vực này.

²⁴ Thí dụ thích ứng với BĐKH ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nước biển dâng, ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung bộ là mưa bão, ngập lụt thì ngành công nghiệp và nông nghiệp cần làm gì? Cơ sở hạ tầng cần tăng sức chống chịu ra sao và ngân sách sẽ phải tăng lên bao nhiêu để thích ứng? Phần giảm nhẹ thì lộ trình chuyển dịch năng lượng ra sao? Các ngành sản xuất cần tái cơ cấu thế nào để giảm phát thải KNK. Lộ trình nào cho 2050? Tương ứng ngân sách dự trù bao nhiêu cho cả 2 hợp phần này so với kịch bản không có BĐKH?

²⁵ Thí dụ các vấn đề môi trường đã nêu trong Chương 2 lại được sao chép vào bảng 3.3 - Tóm tắt các vấn đề môi trường, là không cần thiết (trang 182-183). Đề nghị bố trí lại bố cục để đủ nội dung thông tin, nhưng không lặp lại, dài dòng.

không chỉ ra những điểm gì cần điều chỉnh để Quy hoạch tổng thể có thể đưa ra biện pháp khắc phục hoặc giảm thiểu.

Đề nghị đánh giá cụ thể hơn tác động của cơ sở hạ tầng mới được quy hoạch xây dựng sẽ đi qua các khu vườn quốc gia và ảnh hưởng tới khu đa dạng sinh học (trang 277).

Đề nghị rà soát, chỉnh sửa số liệu tại một số mục:

- Mục 3.4.1.2, trang 324-325 dự báo tổng lượng nước thải phát sinh khi thực hiện QHFTQG đến 2030 là 4,35 tỷ m³/năm, trong đó khu đô thị và dân cư phát sinh 2,34 tỷ m³/năm. Đề nghị rà soát lại con số này²⁶.

Bảng 3.43 (trang 326), tổng lượng khí thải dự báo là 12 triệu tấn chưa quy đổi vào năm 2030, chưa phù với số liệu nêu trong bảng 3.47 và 3.48 (trang 354-355), theo đó chỉ riêng ngành năng lượng năm 2030 đã phát thải 678 triệu tấn và ngành GTVT là 89 triệu tấn.

Giải pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu (trang 414) cần được xây dựng dựa trên kết tại COP26 là Việt Nam sẽ trung hòa carbon vào năm 2050²⁷.

Phần 4.3.2 - Giám sát môi trường (trang 425-428) đề nghị bổ sung nội dung về vai trò của MTTQ như quy định tại Điều 157, Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản, nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước.

12.4. Tham vấn trong quá trình thực hiện ĐMC

Dự thảo “ĐMC cho Quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện từ tháng 3 năm 2022” (trang 437) nhưng đến giữa tháng 7 năm 2022 mới gửi lấy ý kiến phản biện của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam là khá muộn.

Bảng 5.1 nêu các đối tượng tham vấn (trang 439) nhưng không có tên MTTQ theo quy định tại Điều 157, Luật Bảo vệ môi trường.

III. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu và có ý kiến phản hồi bằng văn bản đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

2. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên thông tin đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về tiến độ, các dự thảo mới nhất của Dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-230, tầm nhìn đến năm 2050 để MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục theo dõi, góp ý kiến để dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia sớm được Quốc hội thông qua và đi vào cuộc sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Trên đây là văn bản phản biện xã hội đối với Dự thảo Quy hoạch tổng thể

²⁶ Dự báo đến 2030, tổng dân số là 105 triệu dân, nếu 50% dân số là đô thị, dùng trung bình 120 l/ng/ngày và 50% dân nông thôn sử dụng 60 l/ng/ngày thì tổng lượng nước thải phát sinh đã là hơn 3 tỷ m³/năm, chưa kể nước thải từ các cơ sở sản xuất, thương mại và dịch vụ khác trong đô thị.

²⁷ Mục này vẫn được xây dựng dựa trên Đóng góp do quốc gia tự quyết (NDC) mà Việt Nam trình nộp cho Liên hợp quốc 2020 là khả cử

quốc gia thời kỳ 2021-230, tầm nhìn đến năm 2050, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam trân trọng gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu và phản hồi kiến nghị của MTTQ Việt Nam theo Quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo);
- Chủ tịch Đỗ Văn Chiến (để báo cáo);
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Các đ/c trong BTT;
- Ban Chủ nhiệm các Hội đồng tư vấn của UBTW MTTQ VN;
- Các tổ chức thành viên của MT;
- Lưu VT, BPT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH - TỔNG THƯ KÝ



Le Tiên Châu